

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 15 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Sáng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Sơn.
Ông Phạm Thanh Châu Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 10/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1982. Có mặt.
Trú quán: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Có mặt.
Trú quán: Tổ dân phố số X, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11-10-2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết S trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị N có quen biết nhau từ trước, quá trình làm ăn thì chị N có nhiều lần hỏi vay tiền tôi, vì tình cảm quen biết nên tôi có cho chị N vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay tiền hai bên đều có làm giấy vay nợ, tôi đã đưa toàn bộ số tiền gốc cho chị N, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 25/01/2021 tôi có cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Đến hạn trả nợ tôi đã đòi nhiều lần nhưng chị N vẫn chưa trả tôi. Khi vay chị N có thể chấp cho tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 634318 mang tên chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Bá T để làm tin.

Lần thứ hai vào ngày 06/02/2021 tôi có cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Trong giấy vay có nói chị N thế chấp 1 quyền sử dụng đất nhưng vẫn chỉ là

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị N đã đưa tôi lần vay trước đây. Đến hạn trả tôi đã đòi nhiều lần nhưng chị N chưa trả tôi.

Lần thứ ba vào ngày 06/4/2021 tôi có cho chị Nguyễn Thị N vay thêm số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) lãi suất do các bên thỏa thuận là 3%/tháng. Thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày 06/4 đến ngày 06/6/2021. Đến hạn trả tôi đã đòi nhiều lần nhưng chị N chưa trả tôi.

Như vậy tổng số tiền tôi đã cho chị Nguyễn Thị N vay trong 3 lần là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất là 3%/tháng. Quá trình vay chị Nguyễn Thị N đã trả tôi 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi. Đến hạn trả nợ tôi đã đòi nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị N không trả cho tôi. Nay tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải trả cho tôi tổng số tiền gốc là 280.000.000đ và số tiền lãi của các khoản tiền gốc đã vay với lãi suất là 1,66%/tháng kể từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. Cụ thể khoản vay 200.000.000đ là 63.080.000đ, khoản vay 30.000.000đ là 7.968.000đ tiền lãi, khoản vay 50.000.000đ là 11.620.000đ tiền lãi, tổng cộng là 82.668.000đ tiền lãi. Tổng cộng tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải trả cho tôi tính đến ngày 15/7/2022 là 280.000.000đ tiền gốc và 82.668.000đ tiền lãi, tổng bằng 362.668.000đ. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị N phải trả tôi 280.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi tính đến ngày Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án với lãi suất là 1,66%/tháng. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà tôi cầm của chị Nguyễn Thị N là để làm tin, khi nào chị N trả tiền tôi thì tôi sẽ trả lại giấy chứng nhận đó cho chị N.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Tuyết S có quen biết nhau. Quá trình làm ăn tôi có vay tiền của chị S, chị S cũng nhiều lần cho tôi vay tiền, việc vay tiền là tự nguyện, lãi suất do hai bên thỏa thuận với nhau, có làm giấy vay tiền. Cụ thể chị S đã 3 lần cho tôi vay tổng số tiền là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) như chị S đã trình bày. Về lãi suất khi vay tôi và chị S có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng. Lần 1 ngày 25/01/2021 tôi vay của chị S 200.000.000đ tôi trả 12.000.000đ tiền lãi, tôi cầm về 188.000.000đ. Lần 2 ngày 06/02/2021 tôi có vay của chị S 30.000.000đ lãi suất 6%/tháng, tôi trả được 2 triệu đồng tiền lãi còn cầm về 28.000.000đ. Lần thứ 3 ngày 6/4/2021 tôi có vay 50.000.000đ lãi suất 6%/tháng, tôi trả 3 triệu đồng tiền lãi còn cầm về 47.000.000đ. Sau này tôi đã trả cho chị S nhiều lần tiền lãi nữa. Cụ thể ngày 6/4/2021 tôi trả 14.000.000đ, ngày 12/6/2021 tôi trả 10.000.000đ tiền lãi. Như vậy tổng cộng tôi đã trả cho chị S là 41.000.000đ. Việc trả lãi chỉ có hai bên và không làm giấy tờ gì.

Nay chị S kiện đòi tiền tôi tôi nhất trí trả cho chị S 280.000.000đ tiền gốc còn số tiền lãi tôi xin chị S vì điều kiện gia đình tôi hiện đang rất khó khăn. Hiện nay chưa có tiền trả ngay và hẹn khi nào bán được đất thì trả tiền cho chị S.

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái thụ lý và giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tư cách tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết S cho rằng chị Nguyễn Thị N là người vay tài sản của chị và chị N không thực hiện theo hợp đồng nên chị khởi kiện yêu cầu chị N phải trả chị cả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Tuyết S là khởi kiện nên là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N là người bị kiện nên là bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết S yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho chị với tổng số tiền là 362.668.000đ, trong đó có 280.000.000đ tiền gốc và 82.620.000đ tiền lãi, tổng bằng 362.668.000đ. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Xuất phát từ việc quen biết nhau nên năm 2021 chị Nguyễn Thị Tuyết S đã 03 lần cho chị Nguyễn Thị N vay tiền với tổng số tiền gốc là 280.000.000đ. Cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 25/01/2021 chị S cho chị N vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Lần thứ hai vào ngày 06/02/2021 chị S cho chị N vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Lần thứ ba vào ngày 06/4/2021 chị S cho chị N vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) lãi suất do các bên thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày 06/4 đến ngày 06/6/2021. Khi vay hai bên có làm hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản. Sau đó chị S đã chuyển đủ tiền cho chị N. Như vậy giữa chị S và chị N phát sinh quan hệ vay tài sản. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên là giao dịch hợp pháp. Đến hạn trả nợ chị S đã nhiều lần yêu cầu chị N trả nhưng chị N chưa trả. Nay chị S yêu cầu chị N phải trả số tiền gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn), chị N thừa nhận khoản tiền vay này. Nên yêu cầu khởi kiện của chị S đối với chị N về số tiền gốc là có căn cứ, phù hợp với các điều 465, 466 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Giữa chị S và chị N có thỏa thuận lãi suất tiền vay và thời hạn vay, theo chị S khai lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, theo chị N khai lãi suất do hai bên thỏa thuận là 6%/tháng. Như vậy giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, lãi suất này chưa đến mức xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất tại thời điểm năm 2021 không được vượt quá 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Như vậy phần lãi vượt quá 1,66%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị S yêu cầu chị N phải trả chị với lãi suất 1,66%/tháng kể từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm chị N cũng nhất trí với mức lãi suất 1,66%/tháng và nhất trí với thời hạn trả lại kể từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. Việc

thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Quá trình vay chi N khai đã trả cho chi S các khoản lãi như sau: Lần 1 ngày 25/01/2021 chi trả 12.000.000đ tiền lãi trừ vào tiền gốc 200.000.000đ; Lần 2 ngày 06/02/2021 chi trả được 2 triệu đồng tiền lãi trừ vào 30.000.000đ tiền gốc; Lần thứ 3 ngày 6/4/2021 chi trả 3 triệu đồng tiền lãi trừ vào 50.000.000đ tiền gốc; ngày 6/4/2021 chi mang trả 14.000.000đ tiền lãi; ngày 12/6/2021 chi trả 10.000.000đ tiền lãi gửi qua tài khoản ngân hàng. Như vậy, tổng cộng chi N cho rằng đã trả cho chi S là 41.000.000đ tiền lãi. Còn chi S cho rằng cả ba lần chi N vay tiền chi đã đưa đủ số tiền chi N vay, chi S thừa nhận chi N có trả cho chi 10.000.000đ tiền lãi vào ngày 12/6/2021 ngoài ra không còn lần nào khác.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án chi N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho các lần trả tiền lãi cho chi S vào các ngày 25/01/2021, 06/02/2021, 06/4/2021. Ngoài lời khai của chi N ra không có chứng cứ nào khác, chi S cũng không thừa nhận việc chi N trả tiền lãi cho chi vào các ngày nêu trên. Chi S chỉ thừa nhận chi N có trả cho chi 10.000.000đ tiền lãi vào ngày 12/6/2021. Như vậy, việc chi N cho rằng đã trả chi S tổng cộng 41.000.000đ tiền lãi là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xác định chi N đã trả cho chi S được 10.000.000đ tiền lãi. Nay chi S yêu cầu buộc chi N phải trả tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ. Mặt khác, thời hạn trả nợ cuối cùng mà hai bên thỏa thuận là ngày 06/6/2021, tuy nhiên sau đó hai bên thống nhất được thời điểm tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy số tiền lãi tính từ khi vay đến ngày 15/7/2022, cụ thể như sau: Khoản vay 200.000.000đ x 17 tháng 20 ngày x 1,66%/tháng = 58.653.000đ; khoản vay 30.000.000đ x 17 tháng 09 ngày x 1,66%/tháng = 8.615.400đ; khoản vay 50.000.000đ x 15 tháng 09 ngày x 1,66%/tháng = 12.699.000đ tổng cộng là 79.967.400 đồng tiền lãi. Xác nhận chi N đã trả cho chi S được 10.000.000đ tiền lãi, nên số tiền lãi mà chi N còn phải trả cho chi S là 69.967.400đ.

Tổng cộng chi Nguyễn Thị N phải trả cho chi Nguyễn Thị Tuyết S là 280.000.000đ tiền gốc + 69.967.400đ tiền lãi = 349.967.400đ (Ba trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Đối với nội dung chi N có cầm cố, thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 634318 cấp ngày 11/12/2020 mang tên Nguyễn Bá T và Nguyễn Thị N để làm tin khi chi N vay tiền của chi S. Việc thế chấp giấy chứng nhận này chỉ là để làm tin, nay chi N phải trả tiền gốc và lãi cho chi S nên chi S phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chi N.

[3] Về án phí: Yêu cầu của chi Nguyễn Thị Tuyết S được chấp nhận nên chi S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ số tiền mà anh phải trả chi S là $349.967.400đ \times 5\% = 17.498.000đ$.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 463, 465, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết S đối với chị Nguyễn Thị N: Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả chị Nguyễn Thị Tuyết S số tiền 349.967.400 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Tuyết S phải trả cho chị Nguyễn Thị N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 634318 cấp ngày 11/12/2020 mang tên Nguyễn Bá T và Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 8.545.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001267 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 17.498.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Sáng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn

Phạm Thanh Châu Giang

Vũ Quang Sáng